

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KHOA LUẬT



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN : BÙI ĐỖ BÌNH CHÂU

Lớp : LKT 12 – 01 Khóa : XII

ĐỀ TÀI : PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHỐNG HÀNH VI
CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Phương Thảo

HÀ NỘI 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KHOA LUẬT



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN : BÙI ĐỖ BÌNH CHÂU

LỚP : LKT 12 – 01 KHÓA : XII

TÊN ĐỀ TÀI : PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHỐNG HÀNH VI CẠNH
TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Phương Thảo

Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại Học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 21-3 đến 28-5

HÀ NỘI 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam bài khóa luận này là công trình nghiên cứu cá nhân và được sự hướng dẫn từ giảng viên TS. Nguyễn Phương Thảo. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn trích dẫn rõ ràng, là kết quả quá trình lao động thực tế của tôi.

Tác giả khóa luận

Bùi Đỗ Bình Châu

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Khoa Luật, Trường đại học Đại Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho em học tập và hoàn thành đề tài khóa luận này. Đặc biệt em xin trân trọng cảm ơn sự hướng dẫn, giúp đỡ hết sức nhiệt tình, trách nhiệm và hiệu quả của cô giáo TS. Nguyễn Phương Thảo đã dày công truyền đạt kiến thức và hướng dẫn em trong quá trình làm bài.

Em đã cố gắng vận dụng những kiến thức đã học được để hoàn thành bài tiểu luận. Nhưng do kiến thức hạn chế và không có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên khó tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình nghiên cứu và trình bày. Rất kính mong sự góp ý của quý thầy cô để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của các thầy cô đã giúp đỡ em trong quá trình thực hiện bài tiểu luận này.

Tác giả khóa luận

Bùi Đỗ Bình Châu

Danh mục chữ viết tắt

CTKLM	Cạnh tranh không lành mạnh
LCT	Luật cạnh tranh
MĐ	Mẫu đơn
NĐ – CP	Nghị định – Chính Phủ
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development – Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
QĐ - QLCT	Quyết định – Quản lí cạnh tranh
WTO	World Trade Organization – Tổ chức Thương mại Thế giới
XLVPHC	Xử lí vi phạm hành chính

Mục lục

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	7
Một số vấn đề lý luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	7
1.1. Một số vấn đề lý luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	7
1.1.1. Khái quát chung về cạnh tranh	7
1.1.2. Khái quát chung về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.....	11
1.2. Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam	23
Tiểu kết chương 1.....	27
CHƯƠNG 2.....	28
Thực trạng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh – Thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam	28
2.1. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam	28
2.1.1. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.....	28
2.1.2. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về các biện pháp chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.....	38
2.1.4. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý nhà nước đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.....	42
2.2. Đánh giá Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại việt nam.....	45
2.2.1. Kết quả áp dụng	45
2.2.2. Những hạn chế	46
Tiểu kết chương 2.....	53
CHƯƠNG 3.....	54

Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam	54
3.1. Định hướng trong việc sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	54
3.2. Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	54
3.2.1. Kiến nghị về giải quyết quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành	54
3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.....	57
3.3.1. Nâng cao năng lực của cơ quan Nhà nước trong việc quản lý hoạt động cạnh tranh và thực thi pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	57
3.3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và các chính sách của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho các chủ thể tham gia cạnh tranh không lành mạnh.....	59
Tiểu kết chương 3.....	61
KẾT LUẬN.....	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cạnh tranh là một quy luật và thuộc tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cạnh tranh là một động lực để phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng tồn tại những hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp đã xâm hại quyền tự do kinh doanh, gây hậu quả xấu cho môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp. Cơ chế thị trường cũng đặt ra nhu cầu thiết lập và duy trì một môi trường cạnh tranh công bằng và bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh. Đây là một thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngày 03 tháng 12 năm 2004, Luật Cạnh tranh được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2005. Luật Cạnh tranh và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã tạo thành một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động của cơ quan cạnh tranh đồng thời thể hiện sự rõ ràng và minh bạch đối với cộng đồng doanh nghiệp. Các quy định trong hệ thống các văn bản này đã tạo ra một hành lang và khuôn khổ pháp lý để các doanh nghiệp căn cứ vào đó điều chỉnh các hành vi cạnh tranh trong kinh doanh tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và qua đó thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trong nhiều ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Trải qua gần 18 năm áp dụng Luật Cạnh tranh, pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh nói chung cũng như pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng cơ bản đã có nhiều tác động thực tế tới quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, sự đa dạng hóa các thành phần kinh tế cùng với việc hội nhập

sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã phát sinh mà chưa có biện pháp đấu tranh có hiệu quả. Các chế tài trở nên chưa đủ mạnh để kiểm soát, loại bỏ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các chủ thể kinh doanh. Thực tế đã chứng minh việc điều tra và xử lý các vụ việc cạnh tranh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành chiếm số lượng rất ít so với thực tiễn xảy ra hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Vì thế, việc nghiên cứu các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cùng với các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là rất cần thiết, qua đó định hướng các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thiện pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh theo hướng thiết lập các chế tài phù hợp, đầy đủ, thống nhất và đủ tính nghiêm khắc để tạo một môi trường kinh doanh bình đẳng và công bằng. Đây cũng chính là lý do mà tôi lựa chọn đề tài “Pháp luật Việt Nam về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh” để nghiên cứu và làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Lĩnh vực pháp Luật Cạnh tranh nói chung và pháp luật chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu Luật học cũng như giới kinh doanh. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

Luận án Tiến sĩ “Pháp luật về hành vi chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam”- Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội, tác giả Lê Anh Tuấn (2008) đã nêu nên những điểm bất cập và đề ra các giải pháp hoàn thiện cho pháp luật cạnh tranh; Luận án Tiến sĩ “Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam”- Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội, tác giả Nguyễn Phương Thảo (2019). Ngoài ra còn kể đến Luận án Tiến sĩ “Pháp luật về chống cạnh tranh

không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng của các Ngân hàng thương mại Việt Nam”- Học Viện Khoa học Xã hội, tác giả Viên Thế Giang (2014) đã phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích thực trạng và đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. Năm 2010, trong Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Luật Hà Nội “Pháp luật chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quảng cáo ở Việt Nam”, tác giả Trịnh Thị Liên Hương đã khái quát những vấn đề lý luận liên quan đến pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quảng cáo, thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quảng cáo. Tác giả Quách Thị Hương Giang (2011) trong Luận văn Thạc sĩ “Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam”- Khoa Luật Đại học Quốc gia đã làm rõ các vấn đề lý luận về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thực trạng pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam cũng như một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Một nghiên cứu khác cũng liên quan đến vấn đề này, tác giả Đinh Đức Minh (2012) trong Luận văn Thạc sĩ “Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh và việc xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam”- Trường Đại học Luật Hà Nội đã phân tích cơ sở lý luận về pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam, thực trạng áp dụng pháp luật để xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam cũng như đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, có thể kể đến một số bài đăng trên các tạp chí như: bài viết “Xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam” của Th.S Nguyễn Thị Như Quỳnh trên Tạp chí

Luật học số 5/2009; bài viết “Bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra” của PGS.TS Đỗ Văn Đại, Th.S Nguyễn Thị Hòa Trâm trên Tạp chí Khoa học pháp lý, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh số 2/2012;....

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là pháp luật đối với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về thời gian: Từ năm 2018 đến nay. Đây là thời gian Luật Cạnh tranh 2018 có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn thi hành được bổ sung. Đây cũng là giai đoạn nền kinh tế Việt Nam có nhiều sự biến động, nhất là từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, điều này đặt ra nhiều thách thức đối với pháp luật về cạnh tranh tại Việt Nam.

- Phạm vi về không gian: Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam.

- Phạm vi về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu pháp luật đối với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh và chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Các công trình và bài viết trước đây chỉ tiếp cận ở góc độ khái quát về khoa học pháp lý đối với quan hệ cạnh tranh nói chung và chống cạnh tranh không lành mạnh nói riêng hoặc nghiên cứu cạnh tranh trong từng lĩnh vực, dưới từng góc độ khác nhau. Mục đích nghiên cứu là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về pháp luật

chống CTKLM, về mô hình pháp luật chống CTKLM; phân tích, luận giải có hệ thống thực trạng các quy định pháp luật hiện hành về chống CTKLM trong bối cảnh Việt Nam đã ban hành LCT; nhận dạng các biểu hiện của hành vi CTKLM diễn ra trên thị trường hiện nay. Trên cơ sở đó đề xuất cơ chế bảo đảm thực thi có hiệu quả pháp luật chống CTKLM nói riêng và pháp luật cạnh tranh nói chung. Vì vậy đề tài nghiên cứu này sẽ tìm hiểu làm rõ đánh giá chuyên sâu đưa ra các kiến nghị và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và hỗ trợ bảo đảm thực thi về pháp luật cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích, phương pháp hệ thống hóa, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để tìm hiểu vấn đề nghiên cứu. Đặc biệt, phương pháp so sánh luật học được sử dụng để so sánh các quy định có liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh qua các thời kỳ ở Việt Nam. Trong đó:

- Phương pháp hệ thống hóa, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh được sử dụng trong Chương 1 khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

- Phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh luật học được sử dụng trong Chương 2 khi nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam.

- Phương pháp phân tích, phương pháp diễn giải được sử dụng trong Chương 3 khi nghiên cứu đề lập luận cho các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam.

7. Đóng góp của đề tài

Đề tài có những đóng góp về khoa học, cụ thể như sau:

Thứ nhất, là công trình nghiên cứu một cách đầu đủ, có hệ thống các vấn đề lý luận về hành vi nhằm cạnh tranh không lành mạnh, đặc biệt là khái niệm, đặc điểm và cấu thành của hành vi này, qua đó xác định pháp luật để nhận diện và xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là pháp luật cạnh tranh.

Thứ hai, đề tài đã đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh hiện nay, chỉ ra những hạn chế mà pháp luật về hành vi nhằm cạnh tranh không lành mạnh cần phải khắc phục và hoàn thiện trong thời gian tới.

Thứ ba, đề tài xác định về các định hướng và đưa ra nhiều giải pháp vừa tổng thể, vừa có tính chất cụ thể, nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về các hành vi nhằm cạnh tranh không lành mạnh và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

8. Bố cục của đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh – Thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

CHƯƠNG 1

Một số vấn đề lý luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1. Một số vấn đề lý luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1.1. Khái quát chung về cạnh tranh

Cạnh tranh là quy luật của kinh tế thị trường. Cạnh tranh không những là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, điều tiết hệ thống thị trường, mà còn là yếu tố quan trọng làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Cạnh tranh thúc đẩy các nhà kinh doanh phải luôn đổi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất để tăng năng suất lao động, tìm cách thoả mãn tốt nhất các nhu cầu của người tiêu dùng và vì vậy mang lại sự Ỡ tăng trưởng và cải thiện hiệu quả kinh tế.

Cạnh tranh phải được diễn ra trong môi trường pháp lí tự do và bình đẳng cho mọi chủ thể kinh doanh, nếu không có môi trường pháp lí đó, cạnh tranh có thể đưa đến những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội.

Cạnh tranh có thể biểu hiện bằng các hình thức với những tính chất khác nhau như cạnh tranh tự do, cạnh tranh có sự điều tiết của Nhà nước, cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh không hoàn hảo, cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh.

1.1.1.1. Khái niệm, bản chất và vai trò của cạnh tranh

a) Khái niệm

Qua hơn 20 năm phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, cạnh tranh trở thành một khái niệm được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Cạnh

tranh được hiểu là sự ganh đua giành ưu thế giữa những người hoạt động trong cùng một lĩnh vực hoặc có chung một mục đích. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có một khái niệm đầy đủ và thống nhất về cạnh tranh, bởi ở mỗi góc độ nghiên cứu, cạnh tranh lại có những đặc điểm về chủ thể, hành vi và mục đích thực hiện khác nhau. Tùy thuộc vào ý định và hướng tiếp cận của các nhà khoa học, cạnh tranh được nhìn nhận dưới những góc độ khác nhau. Tuy nhiên, có thể thấy các lý thuyết về kinh tế đều thống nhất rằng, cạnh tranh là hoạt động của các chủ thể kinh doanh nhằm tranh giành thị trường, lôi kéo khách hàng về phía mình, cạnh tranh là sản phẩm riêng có của kinh tế thị trường, là linh hồn và là động lực cho sự phát triển của thị trường.

b) Bản chất và vai trò của cạnh tranh

Nếu nhìn khái quát trên quy mô toàn xã hội thì cạnh tranh là phương thức phân bổ các nguồn lực, tài nguyên một cách tối ưu, vì vậy, nó là động lực phát triển bên trong của nền kinh tế. Cạnh tranh chỉ xuất hiện trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, nơi mà cung cầu là cốt vật chất, giá cả là diện mạo và cạnh tranh là linh hồn sống của thị trường. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng cạnh tranh có bản chất kinh tế - xã hội của nó. Bản chất kinh tế của cạnh tranh thể hiện mục đích tạo lập cho chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh một ưu thế chi phối thị trường gắn liền với lợi nhuận. Bản chất xã hội của cạnh tranh thể hiện ở đạo đức kinh doanh và uy tín của mỗi chủ thể cạnh tranh trong mối quan hệ đối với các chủ thể tạo ra tiềm lực cạnh tranh của doanh nghiệp, quan hệ với người tiêu dùng và các đối thủ cạnh tranh khác. Dưới tác động điều tiết vĩ mô của nhà nước đối với hoạt động cạnh tranh, cạnh tranh ở mỗi quốc gia còn có bản chất chính trị khác nhau, phụ thuộc vào sự hoạch định và thực thi chính sách kinh tế và chính sách xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn phát triển nhất định. Trong nền kinh tế thị

trường, nếu quan hệ cung cầu là lõi vật chất, giá cả là diện mạo thì cạnh tranh chính là linh hồn của thị trường. Nhờ có cạnh tranh, cùng với sự thay đổi liên tục về nhu cầu và bản tính tham lam của con người mà nền kinh tế thị trường đã có những bước phát triển nhảy vọt chưa xuất hiện được trong các hình thái kinh tế trước đó. Sự ham muốn không có điểm dừng đối với lợi nhuận của nhà kinh doanh trở thành động lực thúc đẩy họ sáng tạo không mệt mỏi, vì vậy mà cạnh tranh chính là động lực của sự phát triển. Theo đó, cạnh tranh có những vai trò cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cạnh tranh điều chỉnh quan hệ cung cầu trên cơ sở quyền tự do lựa chọn của người tiêu dùng. Người tiêu dùng có thể dễ dàng tìm thấy hàng hóa, dịch vụ mà họ muốn với giá tốt nhất và chất lượng cao nhất. Trong môi trường cạnh tranh, chủ thể kinh doanh khó có thể bóc lột người tiêu dùng vì luôn có rất nhiều đối thủ khác sẵn sàng chào bán với giá cả và chất lượng tốt hơn.

Thứ hai, cạnh tranh tạo sức ép, buộc các chủ thể kinh doanh liên tục đổi mới, theo kịp sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đồng thời phải phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có sức cạnh tranh trên thị trường, từ đó cạnh tranh trở thành động lực bên trong thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Thứ ba, cạnh tranh tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất thích ứng với hàng loạt sự biến động của nhu cầu xã hội và đổi mới công nghệ, thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong kinh doanh. Bởi chính sự khác biệt trong công nghệ sản xuất, chế biến và quy trình vận hành là một trong những lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường.

Thứ tư, cạnh tranh kích thích sự sáng tạo, là nguồn gốc của sự đổi mới liên tục trong đời sống kinh tế. Chính vì vậy, cạnh tranh giúp tạo ra sự đổi mới chung, thường xuyên và liên tục, vì vậy đem lại sự tăng trưởng kinh tế chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, cạnh tranh cũng có những tác động tiêu cực nhất định, thể hiện ở xu hướng phân hóa của các doanh nghiệp, gia tăng hiện tượng phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Đồng thời, chính sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường là nguyên nhân khiến cho các doanh nghiệp có sức cạnh tranh kém bị phá sản, kéo theo nhiều hệ quả xấu như nạn thất nghiệp, tệ nạn, lừa đảo, trộm cắp... gây mất ổn định xã hội và là sức ép đối với chính sách kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia. Ngoài ra, cạnh tranh không lành mạnh cũng tạo ra những hệ lụy xấu đối với người tiêu dùng và các chủ thể kinh doanh khác trên thị trường.

1.1.1.2. Phân loại cạnh tranh

Cạnh tranh có thể được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau, vì vậy, việc phân loại cạnh tranh cũng phụ thuộc vào những tiêu chí cụ thể của từng góc độ nhất định. Trong kinh tế học và khoa học pháp lý, các nhà nghiên cứu có nhiều cách phân loại cạnh tranh khác nhau để phục vụ các nhiệm vụ nghiên cứu hoặc cho công tác xây dựng chính sách pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu về cạnh tranh, có thể thấy một số cách phân loại cạnh tranh như sau:

Thứ nhất, căn cứ vào tính chất, mức độ can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế, cạnh tranh được chia thành hai loại là cạnh tranh tự do và cạnh tranh có sự điều tiết của nhà nước;

Thứ hai, căn cứ vào đặc tính, cấu trúc của thị trường (bao gồm số lượng người mua và bán, loại hàng hóa được sản xuất, bản chất của rào cản gia nhập thị trường), các nhà kinh tế học chia cạnh tranh được thành cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh không hoàn hảo và cạnh tranh độc quyền;

Thứ ba, căn cứ vào tính chất của các phương thức cạnh tranh, các hành vi cạnh tranh được chia làm hai loại là cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh;

Thứ tư, căn cứ vào tác động bất lợi của hành vi cạnh tranh gây ra đối với môi trường cạnh tranh, pháp luật của một số nước chia cạnh tranh thành hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

1.1.2. Khái quát chung về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh

a) Khái niệm

Cạnh tranh là một trong những quy luật quan trọng của nền kinh tế thị trường, nó là động lực thúc đẩy sự phát triển để đem lại nhiều lợi ích cho khách hàng, người tiêu dùng và được nhà nước bảo vệ. Hành vi cạnh tranh sẽ được coi là cạnh tranh lành mạnh nếu doanh nghiệp cạnh tranh bằng cách thức phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh thông thường. Tuy nhiên, thay vì nỗ lực để nâng cao lợi nhuận và tìm kiếm khách hàng một cách chính đáng, không ít doanh nghiệp đã lựa chọn những cách thức và phương pháp mà pháp luật không cho phép, bằng cách tiến hành các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đi ngược lại với các nguyên tắc trung thực, thiện chí, hoặc các thông lệ, tập quán được chấp nhận rộng rãi và lâu dài trong kinh doanh, nhằm tạo lợi thế cạnh tranh bất chính cho mình. Các hành vi này được xem là có hại đối với môi trường cạnh tranh và bị pháp luật cấm thực hiện. Để đưa ra một định nghĩa chính xác, đầy đủ về cạnh tranh không lành mạnh là một việc không dễ, bởi nội hàm của nó luôn có sự thay đổi tùy thuộc vào nhận thức của từng giai đoạn lịch sử ở từng quốc gia khác nhau cũng như sự thay đổi, tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Nguyên nhân khiến khái niệm cạnh tranh không lành mạnh rất khó định nghĩa còn do hình thức biểu hiện của nó ngày càng trở nên tinh vi và phức tạp hơn. Tại khoản 2 Điều 10 Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, được bổ sung vào Công ước năm 1990 và sửa đổi lần cuối theo Văn bản Stockholm 1967 cho rằng bất kỳ hành vi cạnh

tranh nào đi ngược lại các thông lệ trung thực, thiện chí trong công nghiệp hoặc trong thương mại đều là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Việc sử dụng các tiêu chí về tập quán, đạo đức hay như trong trường hợp này là “các thông lệ trung thực, hợp lý” để xác định phạm vi một khái niệm pháp lý sẽ đưa đến những điểm không rõ ràng. Thực tế Điều 10 Công ước Paris chỉ mô tả một cách khái quát, mang tính định hướng và bỏ ngỏ khái niệm này cho pháp luật quốc gia của các nước thành viên Công ước tự định đoạt. Tuy nhiên đến cấp độ quốc gia, mọi nỗ lực nhằm bao quát trong một định nghĩa tất cả các hoạt động cạnh tranh hiện tại và trong tương lai, đồng thời xác định mọi hành vi bị ngăn cấm đủ để thích nghi với những thông lệ thị trường mới vẫn là một khó khăn. Mặc dù vậy, không có nghĩa là không có phạm vi điều chỉnh đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Điều 10 Công ước Paris đã đưa ra một danh sách khái quát bao gồm ba hình thức cạnh tranh không lành mạnh đặc biệt bị cấm bao gồm:

- Mọi hành vi nhằm gây ra sự nhầm lẫn, bằng bất kỳ phương tiện nào, với cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh;
- Những tuyên bố sai trái trong công việc nhằm làm mất uy tín của cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh;
- Những chỉ dẫn hoặc tuyên bố sử dụng trong quá trình kinh doanh nhằm lừa dối công chúng về bản chất, quy trình sản xuất, đặc điểm, sự phù hợp về mục đích, hoặc số lượng của hàng hóa.

Phạm vi về hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Công ước Paris tương đối hẹp, chủ yếu hướng tới các hành vi mang tính chất gian dối trong hoạt động thương mại. Vì vậy, nội dung Điều 10 Công ước Paris chỉ có thể coi là những ví dụ điển hình về cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Đối với mỗi quốc gia, xuất phát từ sự khác biệt trong đặc trưng của nền kinh tế và mức độ phát triển của

công nghệ kỹ thuật, hành vi cạnh tranh không lành mạnh lại có những biểu hiện khác biệt, do vậy, trong quá trình xây dựng các chế định của pháp luật về cạnh tranh, mỗi quốc gia trên thế giới đã đưa ra các khái niệm khác nhau về hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Luật cạnh tranh Bungary năm 1991 nêu ra định nghĩa tại Khoản 2 điều 12:

“Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi hoặc biểu hiện tiến hành các hoạt động kinh tế trái với tiêu chuẩn thông thường về kinh doanh trung thực, gây hại hoặc có thể gây hại tới những lợi ích của các đối thủ cạnh tranh khác trong mối quan hệ giữa họ và người tiêu dùng”. Luật cạnh tranh không lành mạnh Trung Quốc năm 1993 quy định: “Cạnh tranh không lành mạnh là hoạt động của doanh nghiệp trái với quy định của luật này gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp khác và làm rối loạn trật tự kinh tế xã hội.” Luật cạnh tranh Lào năm 2015 định nghĩa cạnh tranh không lành mạnh bằng cách liệt kê cụ thể các hành vi đó. Theo đó, tại điều 8 quy định: “Cạnh tranh không lành mạnh là hoạt động của một hoặc một nhóm doanh nghiệp, có hành vi được quy định tại điều 9 của Luật này”. Tiếp đó, điều 9 quy định rõ một số loại hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh như: chỉ dẫn gây nhầm lẫn; xâm phạm bí mật kinh doanh; ép buộc trong kinh doanh; gièm pha doanh nghiệp khác; gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác; quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh; khuyến mãi nhằm cạnh tranh không lành mạnh; hành vi phân biệt đối xử của hiệp hội và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác mà được quy định trong pháp luật và quy chế có liên quan.

Như vậy, hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã được pháp luật của nhiều quốc gia đề cập đến, mặc dù chưa có khái niệm nào mang tính triệt để, nhưng mỗi khái niệm đều góp phần vẽ thêm một vài chi tiết để tạo ra một bức tranh hoàn thiện

về khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ở Việt Nam, trước khi Luật cạnh tranh 2004 ra đời, cũng có một số văn bản pháp luật đề cập tới vấn đề cạnh tranh không lành mạnh như: Điều 8 Luật thương mại 1997, Bộ luật hình sự 1999, Pháp lệnh về quảng cáo 2001, Nghị định 24/2003/NĐ-CP ngày 13/03/2003. Tuy nhiên, chưa có một văn bản nào đưa ra khái niệm về hành vi này mà phải cho tới khi Luật cạnh tranh 2004 được xây dựng thì mới có một khái niệm về cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại khoản 4 Điều 3: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng”. So với Luật Cạnh tranh năm 2004, Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý dựa trên khái niệm về hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại khoản 6 điều 3 Luật Cạnh tranh 2018: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác”. Tiếp theo đó, điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định rõ một số loại hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh như: Xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh dưới các hình thức sau đây; Ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó; Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó; Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh hợp

pháp của doanh nghiệp đó; Lôi kéo khách hàng bất chính bằng các hình thức sau đây; Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp khác cùng kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó; Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác bị cấm theo quy định của luật khác.

Dù có những quan điểm khác nhau khi định nghĩa về hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa pháp luật các nước và điều ước quốc tế, nhưng vẫn có thể thấy một điểm chung giữa các khái niệm này, đó là hành vi cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận và đi ngược lại các nguyên tắc xã hội, tập quán và truyền thống kinh doanh, xâm hại hoặc có thể gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp,

b) Đặc điểm

Thứ nhất, hành vi cạnh tranh không lành mạnh do các chủ thể kinh doanh trên thị trường thực hiện. Chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định tại điều 2 Luật cạnh tranh 2018 là:

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

2. Hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan.

Ở đây, phạm trù “doanh nghiệp” theo quy định của Luật cạnh tranh có phạm vi rộng hơn so với quy định tại Khoản 10 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020. Cụ thể,

theo Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp chỉ bao gồm các tổ chức kinh tế còn “doanh nghiệp” theo quan niệm của Luật cạnh tranh thì không chỉ gồm tổ chức kinh tế mà còn hàm chứa cả các cá nhân kinh doanh. Như vậy, hiểu một cách khái quát, hành vi cạnh tranh không lành mạnh được thực hiện bởi tất cả các tổ chức kinh tế và cá nhân tham gia tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường một cách thường xuyên và chuyên nghiệp, có tư cách thương nhân trên thị trường. Trong đó, tổ chức kinh tế được hiểu là các tổ chức được thành lập dưới mô hình doanh nghiệp như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân hoặc mô hình hợp tác xã. Cá nhân kinh doanh được hiểu là cá nhân có đăng ký kinh doanh và cá nhân không đăng ký kinh doanh, cụ thể: cá nhân có đăng ký kinh doanh được pháp luật quy định là hộ kinh doanh, còn cá nhân không đăng lý kinh doanh bao gồm những người buôn bán rong; buôn bán vật; buôn chuyển; thực hiện các dịch vụ như đánh giày, bán vé số, chữa khóa... không có địa điểm cố định;...(theo Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 39/2007/NĐ-CP về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh). Trên một phạm vi rộng hơn, các quy định về cạnh tranh không lành mạnh còn có thể áp dụng đối với hành vi của nhóm doanh nghiệp hoạt động có tổ chức là Hiệp hội doanh nghiệp.

Thứ hai, hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải nhằm mục đích cạnh tranh. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là yếu tố sống còn của các doanh nghiệp, quy luật cạnh tranh cũng giống như những quy luật tồn tại và đào thải của tự nhiên: chiến thắng luôn thuộc về kẻ mạnh. Do vậy, mục đích của cạnh tranh là một trong những yếu tố bắt buộc để xác định một hành vi của doanh nghiệp, hiệp hội có phải là hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay không. Mặt khác, phạm vi các hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn được giới hạn bởi chức năng kinh doanh của nó. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải do các chủ thể trên thực

hiện trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm thu lợi nhuận, các hành vi khác nằm ngoài chức năng kinh doanh của những chủ thể không được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, mục đích của cạnh tranh cũng là yếu tố bắt buộc để xác định một hành vi là cạnh tranh lành mạnh hay không. Nếu hành vi của doanh nghiệp không nhằm mục đích cạnh tranh thì đó không phải là hành vi cạnh tranh và do đó không thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nên sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật cạnh tranh 2018.

Thứ ba, hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh.

Đặc điểm này của hành vi cạnh tranh không lành mạnh là căn cứ để xác định bản chất không lành mạnh của hành vi cạnh tranh. Tuy nhiên, chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh là một khái niệm mang tính trừu tượng, rất khó để xác định, nó phụ thuộc vào quan niệm truyền thống kinh doanh của mỗi quốc gia hay từng vùng, miền nhất định. Tuy nhiên, có thể hiểu thuật ngữ “chuẩn mực thông thường của đạo đức kinh doanh” dựa vào hai căn cứ sau đây:

Một là, căn cứ luật định: là những tiêu chuẩn đã được định lượng, định hình bằng pháp luật, một khi trái với các quy định của pháp luật sẽ được xem là không lành mạnh. Trong trường hợp này, hành vi cạnh tranh không lành mạnh đồng nghĩa với các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp. Theo đó, hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể là hành vi của cá nhân, tổ chức kinh doanh vi phạm điều cấm của pháp luật (bao gồm các quy định cấm của Luật cạnh tranh và các văn bản pháp luật có liên quan khác như Luật thương mại, pháp luật về quản lý giá, pháp luật về sở hữu trí tuệ...) hoặc là hành vi vi phạm các tiêu chuẩn lành mạnh được pháp luật quy định cũng là những nguyên tắc cơ bản của giao dịch dân sự, thương mại như

nguyên tắc về tính trung thực, tự nguyện, thiện chí, hợp tác... được quy định tại các văn bản pháp luật như Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp...

Hai là, căn cứ theo các tập quán kinh doanh thông thường: là những tập quán đã được thừa nhận rộng rãi sẽ được áp dụng đối với những hành vi chưa được pháp luật dự liệu là cạnh tranh không lành mạnh. Nói cách khác, căn cứ này là biện pháp dự phòng để áp dụng cho những trường hợp pháp luật chưa quy định về một hành vi cụ thể nhưng khi thực hiện hành vi này đã xâm hại đến quyền cạnh tranh của các cá nhân, tổ chức kinh doanh khác, xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và trái với tập quán kinh doanh. Căn cứ này đã mở rộng khả năng điều chỉnh và khắc phục tình trạng “sớm” lạc hậu của pháp luật cạnh tranh. Cho đến nay, Luật cạnh tranh chưa quy định những tập quán kinh doanh nào được coi là các chuẩn mực đạo đức thông thường. Chính vì vậy, tính trái chuẩn mực đạo đức thông thường trong kinh doanh của hành vi cạnh tranh không lành mạnh đòi hỏi pháp luật cạnh tranh phải luôn được chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Thứ tư, hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác.

Theo điều 5 Luật cạnh tranh 2018 thì doanh nghiệp được quyền tự do cạnh tranh trong khuôn khổ của pháp luật, nhà nước bảo hộ quyền cạnh tranh hợp pháp trong kinh doanh. Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện quyền tự do kinh doanh mà gây thiệt hại đến các chủ thể khác thì sẽ bị xếp vào nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Bên cạnh đó, thiệt hại mà hành vi gây ra có thể là hiện thực đã xảy ra nhưng cũng có thể chỉ là tiềm năng, tức là có căn cứ để xác định rằng hậu quả chắc chắn

sẽ xảy ra nếu không ngăn chặn hành vi. Do đó, một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh có cấu thành vật chất với thiệt hại là dấu hiệu bắt buộc như gièm pha doanh nghiệp khác; một số hành vi lại có cấu thành hình thức với thiệt hại không là dấu hiệu bắt buộc mà có thể chỉ là sự suy đoán rằng nếu hành vi tiếp tục được thực hiện, ví dụ như hành vi quảng cáo không trung thực.

Ngoài ra, đặc điểm về hậu quả của hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng là căn cứ để phân biệt giữa hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh dưới góc độ lý thuyết. Hạn chế cạnh tranh là những xử sự của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp làm thay đổi một cách tiêu cực tình trạng cạnh tranh hoặc làm giảm tác dụng của cạnh tranh đối với thị trường. Hành vi hạn chế cạnh tranh có ảnh hưởng xấu đến toàn bộ thị trường, thay đổi cấu trúc thị trường, thay đổi tương quan cạnh tranh trên thị trường. Trong khi đó, hành vi cạnh tranh không lành mạnh chỉ gây thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân, kinh doanh khác hoặc cho người tiêu dùng, xâm hại đến trật tự quản lý cạnh tranh của nhà nước mà không gây cản trở, sai lệch hay làm giảm tình trạng cạnh tranh của thị trường. Vì vậy, cách thức và mức độ xử lý đối với hai loại hành vi này sẽ khác nhau.

1.1.2.2. Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được Luật cạnh tranh 2018 liệt kê tại Điều 45. Dựa vào tính chất của những hành vi này, có thể phân loại chúng thành 3 nhóm: các hành vi mang tính chất lợi dụng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khác; các hành vi mang tính chất công kích hoặc cản trở hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khác và các hành vi lôi kéo bất chính khách hàng của doanh nghiệp khác.

a) Nhóm các hành vi mang tính chất lợi dụng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khác

Đây là nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh điển hình được biết đến dưới nhiều dạng thức khác nhau như: gây nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ; lợi dụng thành quả đầu tư của người khác; xâm phạm bí mật kinh doanh... Bản chất của hành vi này là việc chiếm đoạt hay sử dụng trái phép lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khác. Đây là dạng hành vi rất dễ gây nhầm lẫn với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh thoạt nhìn có thể rất nhiều điểm giống nhau, tuy nhiên, sự khác nhau giữa hai loại hành vi này xuất phát từ chính bản chất pháp lý của mỗi loại hành vi: về phạm vi áp dụng, yếu tố chủ thể và yếu tố lỗi.

Về phạm vi áp dụng: chỉ có thể hình thành một hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có một quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp đang được bảo hộ bị xâm phạm. Có nghĩa là chỉ khi đối tượng đã được chủ sở hữu xác lập quyền thông qua việc đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ thì mới có thể căn cứ vào pháp luật sở hữu trí tuệ để bảo vệ khi bị xâm phạm. Ví dụ như trường hợp một nhãn hiệu không đăng ký bị xâm phạm thì hành vi xâm phạm đó không thể là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo luật sở hữu trí tuệ bởi chưa phát sinh quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu này. Trường hợp này có thể áp dụng luật cạnh tranh để điều chỉnh, theo đó, hành vi sử dụng chỉ dẫn làm sai lệch nhận thức của khách hàng về hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích cạnh tranh là một dạng của hành vi cạnh tranh không lành mạnh, không phụ thuộc vào việc dấu hiệu chỉ dẫn đó đã được đăng ký hay chưa.

Về yếu tố chủ thể: chỉ có thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi các chủ thể ở vị trí cạnh tranh với nhau. Trong khi đó, hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ có thể do bất kỳ chủ thể nào vi phạm quyền của chủ sở hữu đã được pháp luật quy định.

Về yếu tố lỗi: hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi có lỗi cố ý. Khoản 5 Điều 45 Luật cạnh tranh 2018 quy định hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn phải “nhằm mục đích cạnh tranh”. Do đó, một hành vi không thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nếu chủ thể thực hiện không biết mình đang vi phạm điều cấm. Nhưng đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ, lỗi không phải là yếu tố bắt buộc cấu thành hành vi vi phạm. Một khi các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ đã được đăng ký theo đúng trình tự của pháp luật quy định thì các chủ thể khác được suy đoán là đã biết tới quyền của chủ sở hữu. Do đó, sẽ cấu thành hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với mọi hành vi vi phạm quyền của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ khi không được sự cho phép của chủ sở hữu. Về nguyên tắc, hành vi cạnh tranh có thể liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, tức là bao gồm cả quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất của các đối tượng quyền tác giả là quyền sở hữu công nghiệp thì hành vi cạnh tranh chủ yếu liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp bởi vì đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp gắn liền với hoạt động thương mại, có giá trị thương mại cao.

b) Nhóm các hành vi mang tính chất công kích hoặc cản trở hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác

Đây là nhóm hành vi có chung bản chất là tấn công vào đối thủ cạnh tranh, triệt tiêu hoặc làm suy giảm các lợi thế cạnh tranh của đối thủ. Các hành vi cụ thể rất đa dạng, phụ thuộc vào cách thức, mục tiêu công kích. Theo quy định của Luật cạnh tranh thì nhóm hành vi này bao gồm: hành vi ép buộc trong kinh doanh; hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác.

Thứ nhất, hành vi ép buộc trong kinh doanh được quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật cạnh tranh 2018. Theo đó, phương thức thực hiện hành vi là dùng áp lực đe dọa hoặc cưỡng ép khách hàng, đối tác kinh doanh không giao dịch hoặc ngừng

giao dịch với đối thủ cạnh tranh của mình khiến cho khách hàng hay đối tác kinh doanh đó mặc dù không muốn nhưng vẫn phải thực hiện hành vi nêu trên, nếu không sẽ bị bất lợi trong kinh doanh và ảnh hưởng đến lợi ích của mình. Mục đích thực hiện hành vi là nhằm lôi kéo khách hàng, đối tác kinh doanh của đối thủ cạnh tranh để từ đó buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó. Kết quả là làm giảm lượng khách hàng hoặc đối tác làm ăn của đối thủ cạnh tranh với mình.

Thứ hai, hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác quy định tại Khoản 4 Điều 45 của Luật cạnh tranh 2018. Đó là các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhằm vào đối thủ cạnh tranh và xâm phạm trực tiếp đến đối thủ cạnh tranh. Phương thức thực hiện là gây rối, quấy phá hoạt động kinh doanh của đối thủ. Các hành vi này có thể do doanh nghiệp trực tiếp thực hiện hoặc thông qua chủ thể thứ ba, nhưng phải đảm bảo điều kiện về mối quan hệ nhân quả, tức là, chính các hành vi gây rối là tác nhân trực tiếp ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh. Mục đích của hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác là làm gián đoạn quá trình kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả, uy tín và khả năng cạnh tranh của đối thủ trên thương trường cũng như khả năng cạnh tranh với chính doanh nghiệp có hành vi gây rối.

c) Nhóm các hành vi lôi kéo bất chính khách hàng của doanh nghiệp khác

Bản chất của nhóm hành vi này là tạo ra một lợi thế cạnh tranh gian dối để lôi kéo khách hàng, người tiêu dùng thông qua các hành vi như quảng cáo gian dối, khuyến mãi không trung thực... Đối tượng chịu tác động trực tiếp của các hành vi này là khách hàng và người tiêu dùng, còn các doanh nghiệp cạnh tranh khác chỉ chịu ảnh hưởng gián tiếp từ hành vi này thông qua việc khách hàng mất niềm tin

đối với hàng hóa, dịch vụ. Ngoài ra, các hành vi này có tác động xấu đến thị trường chung, khiến thị trường thiếu minh bạch, làm sai lệch tính chất giao dịch giữa các chủ thể tham gia trên thị trường, vì vậy, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh chung của các doanh nghiệp. Theo quy định của Luật cạnh tranh 2018, Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác; So sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung đều thuộc nhóm hành vi này.

1.2. Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh được định nghĩa tại khoản 6 Điều 3 Luật cạnh tranh năm 2018 như sau: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác.”

Định nghĩa này có một số điểm khác biệt so với định nghĩa tại khoản 4 Điều 3 Luật cạnh tranh năm 2004, theo đó: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng.”

Sự sửa đổi này cho thấy nhà làm luật đã có sự điều chỉnh về định hướng áp dụng pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh.

Thứ nhất, yếu tố đánh giá về tính lành mạnh của hành vi cạnh tranh đã được đổi từ “các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh” theo Luật cạnh tranh năm 2004 thành “nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh theo Luật cạnh tranh năm 2018. Sửa đổi này tạo căn cứ rõ ràng hơn để đánh giá hành vi cạnh tranh, do các văn bản pháp luật Việt Nam như Bộ luật dân sự hay Luật thương mại đã có quy định về nguyên tắc thiện chí, nguyên tắc trung thực hay tập quán thương mại. Tuy nhiên, có thể thấy các tiêu chí này vẫn còn rất “mở”, mang tính chất định tính mà không định lượng, do đó có thể gây khó khăn cho việc thực thi pháp luật và đối với thực tiễn Việt Nam, vấn đề này càng phức tạp hơn, bởi một số lí do như sau:

- Do nền kinh tế thị trường tại nước ta mới hình thành, các quan hệ kinh doanh chưa đủ thời gian để trở thành tập quán và được chấp nhận rộng rãi. Tầng lớp thương nhân của Việt Nam cũng chưa đủ đông và mạnh để có thể thống nhất đặt ra những tiêu chuẩn chung, cho một ngành kinh doanh.

- Bộ luật dân sự 2015 cũng chưa đưa ra những kiến giải rõ ràng thế nào là thiện chí hay trung thực ngoài quy định tại khoản 3 Điều 3 của Bộ luật. Đồng thời, pháp luật Việt Nam chưa thừa nhận án lệ một cách đầy đủ, các cơ quan tài phán của nước ta thường có vai trò hạn chế trong việc vận dụng pháp luật, nhất là trong trường hợp chỉ có những quy định mang tính nguyên tắc như nêu trên.

Thứ hai, định nghĩa mới đặt trọng tâm vào xem xét tác động của hành vi cạnh tranh không lành mạnh tới doanh nghiệp khác, bỏ qua việc xem tác động đến người tiêu dùng hay trật tự quản lí của nhà nước như định nghĩa của Luật cạnh tranh năm 2004.

Thứ ba, Luật cạnh tranh năm 2018 cũng đã thu hẹp danh sách các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cụ thể. Theo Điều 45 Luật cạnh tranh năm 2018, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm bao gồm:

- Xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh dưới các hình thức tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó; hoặc tiết lộ, sử dụng thông tin bí mật trong kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó.

- Ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó.

- Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

- Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp đó.

- Lôi kéo khách hàng bất chính bằng các hình thức đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác; hoặc so sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung.

- Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp khác cùng kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó.

- Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác bị cấm theo quy định của luật khác.

Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thế giới cũng như ở Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi kinh doanh của các chủ thể tham gia nền kinh tế thị trường. Các quy định khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung và chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam hiện nay có thể đánh giá khái quát là tương đối phù hợp trong điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, để có thể đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các quy định của chế tài về hành vi cạnh tranh không lành mạnh cần có sự tìm hiểu rõ hơn về thực trạng quy định pháp luật, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong đời sống hiện nay. Để từ đó có thể rút ra được những nhận xét, đánh giá ưu điểm và hạn chế của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam. Đây cũng chính là vấn đề được trình bày tại Chương 2 của Luận văn.

CHƯƠNG 2

Thực trạng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh – Thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam

2.1. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam

2.1.1. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.1.1. *Xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh*

Theo khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018 bí mật kinh doanh là thông tin có đủ ba điều kiện là: không phải là hiểu biết thông thường; có khả năng áp dụng trong kinh doanh và khi được sử dụng sẽ tạo cho người nắm giữ thông tin đó có lợi thế hơn so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng thông tin đó; được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để thông tin đó không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

Bí mật kinh doanh không phải là kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, chỉ dẫn địa lý mà chỉ đơn thuần là những thông tin (không là hiểu biết thông thường) phát sinh trong kinh doanh; có giá trị sử dụng trong thực tế và đem lại lợi ích cho người nắm giữ hoặc người sử dụng; đang được chủ sở hữu bảo mật. Phần lớn pháp luật các quốc gia đều không thể liệt kê những thông tin nào được coi là bí mật kinh doanh và không có cơ chế đăng ký quyền sở hữu đối với bí mật kinh doanh. Chính vì vậy, các thông tin về nguồn nguyên liệu, nguồn khách hàng tiềm năng... đều có thể là bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, rất khó có thể liệt kê một cách đầy đủ các đối tượng của bí mật kinh doanh, vì vậy mà việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến đối tượng này khi xác định tính chất bí mật của thông tin, quyết định chính xác mức độ vi phạm

gặp rất nhiều khó khăn. Khi xây dựng Luật Cạnh tranh, đã có ý kiến cho rằng cần đăng ký bí mật kinh doanh giống như đăng ký các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp hoặc sở hữu trí tuệ để được bảo hộ bởi luật cạnh tranh. Song, cơ chế đăng ký bảo hộ đòi hỏi phải được công bố công khai, rộng rãi cho mọi chủ thể được biết để không vi phạm. Do đó, nếu áp dụng cơ chế này đối với bí mật kinh doanh sẽ làm cho bí mật của doanh nghiệp mau chóng trở thành không bí mật và sự bảo mật trở thành vô nghĩa.

Về bản chất, đặc trưng của bí mật kinh doanh đều xoay quanh tính “bí mật của thông tin. Thông tin đó không phải là hiểu biết thông thường, có nghĩa là công chúng nói chung không thể tiếp cận, tìm hiểu thông tin bằng các biện pháp, phương tiện thông thường. Về giá trị kinh tế, giá trị của thông tin đem lại xuất phát từ yếu tố bí mật, không phổ biến của nó. Một khi thông tin được bộc lộ, ai cũng biết thì giá trị thương mại của thông tin và lợi thế cạnh tranh mà nó đem lại cho chủ sở hữu sẽ không còn. Đặc điểm này cũng đòi hỏi thông tin phải có giá trị ứng dụng về mặt kinh doanh nói chung, không nhất thiết phải gắn liền với tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

Về tính hợp pháp, chủ sở hữu phải nắm giữ bí mật kinh doanh một cách hợp pháp (thông qua hợp đồng, ủy quyền) và phải bảo mật thông tin bằng các biện pháp cần thiết, nhằm ngăn cản công chúng và các đối tượng quan tâm tiếp cận, tìm hiểu, thu thập và phổ biến thông tin trên diện rộng. Điều đó có nghĩa là, nếu chủ sở hữu không có ý thức bảo mật thông tin, vô ý do cầu thả hoặc chủ động cung cấp thông tin cho người khác thì cho dù bí mật kinh doanh đó có giá trị thực sự, pháp luật cũng sẽ từ chối bảo hộ. Luật cạnh tranh và Luật sở hữu trí tuệ gần như đồng nhất trong việc định dạng các hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh bao gồm các hành vi cụ thể sau:

Thứ nhất, hành vi tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu hợp pháp bí mật kinh doanh đó. Đây là dạng hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh điển hình, khi bên vi phạm chủ động tiếp cận, thu thập thông tin bằng cách phá vỡ các biện pháp bảo mật của người có bí mật kinh doanh.

Thứ hai, hành vi tiết lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh. Hành vi này hướng đến các đối tượng khác, không trực tiếp chiếm đoạt bí mật kinh doanh từ chủ sở hữu hay người nắm giữ hợp pháp bí mật. Dù bằng cách nào đó họ có được thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, thậm chí trong trường hợp người này tiếp nhận thông tin một cách ngay tình, pháp luật cũng không cho phép họ sử dụng và lưu truyền thông tin cho người khác.

Thứ ba, hành vi vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập và làm lộ thông tin thuộc bí mật kinh doanh của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó. Đây là dạng hành vi liên quan đến vi phạm hợp đồng bảo mật, do đó trong nhiều trường hợp cần có sự kết hợp các quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật dân sự về vi phạm hợp đồng để giải quyết. Vấn đề cạnh tranh không lành mạnh sẽ được đặt ra trong trường hợp chủ thể thực hiện hành vi không chỉ vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo hợp đồng mà còn sử dụng các thông tin bảo mật có được từ giao dịch dân sự đó để cạnh tranh, gây bất lợi cho đối thủ.

Thứ tư, tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người khác khi người này làm thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh, làm thủ tục lưu hành sản phẩm bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của cơ quan nhà nước. Việc áp dụng pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong

trường hợp này có thể được xem xét kết hợp với việc áp dụng trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự của đối tượng đã thực hiện hành vi “chống lại các biện pháp bảo mật của cơ quan nhà nước”. Như vậy, việc áp dụng pháp luật cạnh tranh đối với hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh đòi hỏi phải có sự kết hợp với cơ chế bồi thường thiệt hại. Bởi thông tin khi đã bị bộc lộ sẽ không bao giờ còn là bí mật nữa và mất đi giá trị của mình. Đối với các hình thức tài sản trí tuệ khác, cơ chế bảo hộ sau khi xử lý sẽ giúp chủ sở hữu khôi phục lại đầy đủ nguyên vẹn quyền khai thác, sử dụng của mình, nhưng trong trường hợp bí mật kinh doanh, khó có thể ngăn chặn bên thứ ba và công chúng nói chung tiếp nhận và sử dụng thông tin. Do đó, biện pháp khắc phục thiệt hại quan trọng nhất cần thực hiện là giải quyết bồi thường thiệt hại một lần và toàn bộ giá trị của bí mật kinh doanh đã bị bộc lộ.

2.1.1.2. Ép buộc trong kinh doanh

Hành vi ép buộc trong kinh doanh được quy định tại khoản 2 điều 45 Luật cạnh tranh 2018: “Cấm doanh nghiệp ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó.”. Theo khái niệm trên, hành vi ép buộc trong kinh doanh có cấu thành pháp lý bao gồm các yếu tố sau đây:

Một là, đối tượng của hành vi là khách hàng hoặc đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác. Từ dấu hiệu này, có thể thấy, bằng hành vi của mình doanh nghiệp vi phạm đã không trực diện giao tiếp với doanh nghiệp khác (đối thủ), mà tác động đến khách hàng hoặc đối tác của họ. Khách hàng, đối tác kinh doanh có thể là các tổ chức, cá nhân đang giao dịch hoặc sẽ giao dịch (khách hàng tiềm năng) của doanh nghiệp khác; có thể là người tiêu dùng hoặc tổ chức, cá nhân có giao dịch với doanh nghiệp bị xâm phạm.

Hai là, hình thức của hành vi là doanh nghiệp vi phạm dùng thủ đoạn đe dọa hoặc cưỡng ép những đối tượng trên để buộc họ không được giao dịch, ngừng giao dịch với doanh nghiệp khác. Việc đe dọa hoặc cưỡng ép được thực hiện nhằm không chế ý chí của khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác. Doanh nghiệp vi phạm có thể trực tiếp hoặc gián tiếp với vai trò tổ chức hoặc thuê mướn người khác thực hiện các thủ đoạn đe dọa, cưỡng ép các đối tượng trên. Phương thức đe dọa, cưỡng ép rất đa dạng và không giống nhau trong các vụ việc cụ thể. Như vậy, hành vi ép buộc trong kinh doanh không bao gồm mục đích ép buộc người khác phải giao dịch với mình.

Ba là, sự không lành mạnh của hành vi được chứng minh bằng các hậu quả gây ra cho khách hàng (người tiêu dùng, đối tác của doanh nghiệp khác) và doanh nghiệp bị xâm hại: Với khách hàng, quyền lựa chọn của họ bị xâm phạm do bị ngăn trở, bị cưỡng ép mà không thể thiết lập được giao dịch, không tiếp tục thực hiện được giao dịch theo ý chí của mình. Quyền lựa chọn bị không chế sẽ dẫn đến khả năng khách hàng phải giao dịch với doanh nghiệp vi phạm hoặc người được chỉ định. Dấu hiệu ép buộc khách hàng phải giao dịch với mình hoặc với người mà mình chỉ định khi điều tra về hành vi ép buộc không được đặt ra. Hành vi này mang bản chất côn đồ trong kinh doanh, có thể gây ra những xáo trộn trong xã hội, gây ảnh hưởng lớn đến trật tự an ninh của cộng đồng, là những dấu hiệu không lành mạnh trong đời sống kinh doanh đòi hỏi pháp luật và công quyền phải thẳng tay trừng trị. Với các doanh nghiệp khác, việc không thiết lập, thực hiện được những giao dịch của họ với khách hàng có thể làm cho tình hình kinh doanh bị ngăn trở, rối loạn. Mặc dù đối tượng của hành vi ép buộc trong kinh doanh là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của doanh nghiệp vi phạm, song thủ đoạn cản trở khách hàng thiết lập, thực hiện giao dịch cũng đã làm cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác bị cản trở hoặc bị hạn chế.

2.1.1.3. Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác

Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra thông tin không trung thực, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Hình thức của hành vi là việc trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác. Việc đưa thông tin có thể được thực hiện một cách trực tiếp từ doanh nghiệp vi phạm, hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông, báo chí. Doanh nghiệp vi phạm có thể thực hiện hành vi công khai hoặc không công khai. Nội dung của thông tin về doanh nghiệp khác được đưa ra rất đa dạng như các thông tin về chất lượng sản phẩm, tình hình tài chính, uy tín và đạo đức của người quản lý, về cổ phiếu.... Những thông tin này tác động đến nhận thức và đánh giá của khách hàng về sản phẩm, về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khác. Qua đó, khách hàng sẽ quyết định có hay không việc giao dịch hoặc tiếp tục giao dịch với doanh nghiệp bị ảnh hưởng xấu. Doanh nghiệp vi phạm có thể là tác giả hoặc chỉ là người tuyên truyền những thông tin mà họ thu thập được những thông tin về doanh nghiệp khác. Vấn đề mà pháp luật quan tâm là tính trung thực (đúng hay sai so với thực tế) của thông tin.

Khi điều tra về hành vi cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác, hậu quả phải được xác định là hiện thực, tức là chúng phải xảy ra trong thực tế, doanh nghiệp bị gây ảnh hưởng xấu đã phải gánh chịu những bất lợi về uy tín, về tài chính và về tình hình kinh doanh do thông tin không trung thực gây ra. Đối với hành vi này, mọi sự suy đoán về hậu quả đều không được coi là cơ sở để kết luận về sự vi phạm.

2.1.1.4. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác

Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác là hành vi của doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp làm cản trở hoặc gián đoạn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác.

Nếu so sánh với hành vi cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác hoặc ép buộc trong kinh doanh thì hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác cũng là một dạng biểu hiện trong chiến lược cản trở hoặc gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác như hai hành vi nói trên. Chúng đều có thể do doanh nghiệp vi phạm thực hiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Sự khác nhau giữa các hành vi chỉ là ở phương tiện, thủ đoạn được doanh nghiệp vi phạm sử dụng. Nếu hành vi cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp bằng cách thức truyền miệng công khai, không công khai hoặc thông qua các phương tiện truyền thông...; hành vi ép buộc trong kinh doanh sử dụng các thủ đoạn mang tính côn đồ đối với khách hàng của doanh nghiệp khác, thì hành vi gây rối hoạt động kinh doanh sử dụng bất kỳ thủ đoạn nào khác ngoài những thủ đoạn nói trên để làm cản trở gián đoạn hoạt động kinh doanh của người khác. Như vậy, pháp luật không quy định về hình thức cũng như những phương tiện, công cụ được sử dụng trong hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác. Căn cứ pháp lý duy nhất của hành vi này được quy định là: tình hình kinh doanh của họ bị gián đoạn hoặc bị cản trở, và hậu quả này đã xảy ra trên thực tế.

2.1.1.5. Lôi kéo khách hàng bất chính

Về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính, tại Điều 45 Luật cạnh tranh hiện hành có quy định những nhóm hành vi sau đây bị coi là cạnh tranh không lành mạnh và bị cấm thực hiện:

1/ Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác;

2/ So sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung.

2.1.1.6. Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ

Khoản 6 Điều 45 Luật cạnh tranh năm 2018 quy định cấm hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp khác cùng kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó. Hành vi này có cấu thành gần giống với hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Luật cạnh tranh 2018.

Loại hành vi chịu sự điều chỉ của cả hai chế định về hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh. Hiện tại chưa rõ quan điểm của nhà làm luật khi thiết kế điều luật theo hướng này. Có quan điểm cho rằng, do việc áp dụng các quy định về hạn chế cạnh tranh khá phức tạp nên nhà làm luật đưa dạng hành vi này vào cả phạm vi áp dụng pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh để thuận tiện trong việc xử lý vi phạm. Tuy nhiên, theo thực tiễn tại các quốc gia có hệ thống pháp luật cạnh tranh phát triển, khó khăn lớn nhất trong việc xử lý dạng hành vi này (còn gọi là predatory pricing - định giá huỷ diệt) chủ yếu nằm ở yêu cầu chứng minh tác động loại bỏ đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, nội dung này tại hai điều khoản của Luật cạnh tranh năm 2018 không có sự khác biệt đáng kể.

Mặt khác, có thể thấy trong khi hành vi tại điểm a khoản 1 Điều 27 xem xét tác động đến “đối thủ cạnh tranh”, nghĩa là các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan của doanh nghiệp vi phạm, thì hành vi tại khoản 6 Điều 45 đề cập các

doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, dịch vụ cùng loại, có nghĩa là đánh giá tác động trên phạm vi rộng hơn. Như vậy, có thể hiểu trong trường hợp không thể đánh giá tác động của hành vi trên thị trường liên quan để áp dụng quy định chống lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, cơ quan cạnh tranh sẽ mở rộng phạm vi đánh giá tác động để áp dụng quy định về cạnh tranh không lành mạnh tại khoản 6 Điều 45.

Chi phí lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, cung ứng dịch vụ sau đây:

1. Tiền lương.
2. Các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng.
3. Hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới.
4. Tiếp thị.
5. Đóng gói.
6. Bao bì.
7. Vận chuyển.
8. Bảo quản.
9. Khấu hao tài sản cố định.
10. Vật liệu.
11. Dụng cụ, đồ dùng.
12. Bốc dỡ hàng hóa.
13. Dịch vụ mua ngoài.

14. Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn cho nhân viên bán hàng theo quy định của pháp luật.

15. Chi lãi vay vốn kinh doanh.

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ cho việc lưu thông hàng hóa, dịch vụ.

17. Chi phí bảo hành sản phẩm.

18. Chi phí quảng cáo.

19. Các chi phí bằng tiền khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 12, Điều 4, Luật Giá năm 2012: “Giá thành toàn bộ của hàng hoá, dịch vụ là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hoá, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại;

b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hoá, dịch vụ đến người tiêu dùng.”

Đồng thời, Nghị định 75/2019/NĐ-CP cũng hướng dẫn rõ việc xác định mức tiền phạt, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt. Đối với mỗi tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, mức tiền phạt xác định theo quy định tại khoản này được điều chỉnh giảm hoặc tăng tương ứng không quá 15% mức trung bình của khung hình phạt. Như vậy, nếu tổng hợp các chi phí lưu thông hàng hóa hoặc dịch

vụ kê trên mà giá bán lại thấp hơn thì có căn cứ áp dụng luật cạnh tranh để xử lý hành vi này.

2.1.2. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về các biện pháp chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.2.1. Chế tài hành chính

Theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018, các hình thức chế tài xử lý vi phạm về cạnh tranh không lành mạnh chủ yếu là các chế tài hành chính, được quy định trong các quy phạm pháp luật mang tính xử phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra (Điều 110).

So với Luật cạnh tranh 2004 mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh sẽ do cơ quan có thẩm quyền xử phạt tiền hành phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan, thì với Luật cạnh tranh 2018 mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh là 2.000.000.000 đồng và 200.000.000 đồng đối với hành vi khác vi phạm quy định của luật này. Mức phạt tiền này áp dụng với hành vi vi phạm của tổ chức, đối với cá nhân có cùng hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, mức phạt tiền tối đa bằng một phần hai mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức.

Ngoài các hình thức xử phạt nêu trên, đối tượng vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính công khai. Đối với pháp luật của một số nước, việc xử lý các hành vi vi phạm về cạnh tranh, chủ yếu quy định hình thức phạt tiền. Có thể thấy những quy định đó trong pháp Luật Cạnh tranh của một số nước như: Luật Thương mại lành mạnh và những quy định về độc quyền của Hàn Quốc năm 1980 (phạt tiền với mức không quá 2% mức doanh thu của doanh nghiệp; trong trường hợp doanh thu không tồn tại thì mức tiền phạt không

quá 500 triệu won); Luật Cạnh tranh thương mại của Thái Lan năm 1999 (phạt tiền không quá 6 triệu baht đối với thương nhân có hành vi cạnh tranh không tự do và không bình đẳng, gây thiệt hại, cản trở hoặc hạn chế hoạt động của những thương nhân khác, ngăn chặn thương nhân khác hoạt động kinh doanh hoặc buộc thương nhân khác phải kết thúc hoạt động kinh doanh; các trường hợp vi phạm nhiều lần sẽ bị phạt gấp đôi; phạt tiền không quá 100.000 baht đối với người thực hiện hành vi tiết lộ thông tin số liệu liên quan đến thương nhân hoặc hoạt động của thương nhân). Quy định phạt tiền còn tìm thấy ở nhiều quy phạm pháp luật của Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh của Cộng hoà liên bang Đức.

Ngoài hình thức phạt tiền, một số biện pháp chế tài khác cũng được áp dụng với người vi phạm như: phải tạm hoãn, đình chỉ hoặc điều chỉnh lại các hoạt động (trong Luật Cạnh tranh thương mại của Thái Lan); chấm dứt hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng như khi chưa có hành vi vi phạm (trong Luật Cạnh tranh của Thổ Nhĩ Kỳ); đình chỉ hành vi, bỏ những, đưa ra thông báo điều chỉnh hoạt về hoạt động quảng cáo vi phạm điều khoản có liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh khỏi hợp đồn, công bố công khai đã có hành vi vi phạm (trong Luật Thương mại lành mạnh và những quy định về độc quyền của Hàn Quốc).

Có thể thấy, các biện pháp chế tài hành chính xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của pháp luật Việt Nam cũng có những nét tương đồng với pháp Luật Cạnh tranh của nhiều nước trên thế giới. Các biện pháp chế tài đó đã tác động trực tiếp vào lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, góp phần răn đe, phòng ngừa các chủ thể kinh doanh có ý định thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh để thu lợi bất chính. Tuy nhiên, hình thức, mức độ áp dụng cụ thể đối với từng hành vi vi phạm là có sự khác nhau trong các pháp luật của mỗi nước.

2.1.2.2. Chế tài hình sự

Mặc dù các quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm được quy định trong Luật Cạnh tranh sửa đổi bổ sung năm 2018 không có chế tài hình sự. Tuy nhiên, nếu hành vi cạnh tranh không lành mạnh có cấu thành tội phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Chương VIII "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được biểu hiện dưới các tội danh như: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 193); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 195); Tội lừa dối khách hàng (Điều 198); Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217);... Hình phạt áp dụng đối với các tội danh trên thường là phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn. Một số trường hợp bị áp dụng hình phạt rất nặng như tù chung thân hoặc tử hình.

Ngoài ra, còn có thể áp dụng các biện pháp tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Qua đó cho thấy, pháp Luật Cạnh tranh được sự hỗ trợ của các quy phạm pháp luật thuộc một số ngành liên quan đến việc áp dụng chế tài như pháp luật hành chính, dân sự, hình sự và các quy phạm về tố tụng.

2.1.2.3. Chế tài dân sự

Luật Cạnh tranh năm 2018 có quy định việc xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bao gồm cả xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Chương IX. Nhưng các quy định đó chủ yếu được điều chỉnh bằng mệnh lệnh hành chính. Vấn đề bồi thường dân sự không được quy định cụ thể mà chỉ viện dẫn: "Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà

nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật" (Điều 110). Như vậy, khi áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại, phải dẫn chiếu đến pháp luật dân sự. Vấn đề khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được áp dụng theo các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tại Chương XXI của Bộ luật Dân sự năm 2015 và pháp luật có liên quan. Một trong những đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh là luôn gây thiệt hại nhất định cho đối thủ cạnh tranh. Do đó, bên bị thiệt hại luôn có quyền được đòi bồi thường nếu có đủ căn cứ để chứng minh lỗi của bên kia và thiệt hại do họ gây ra. Căn cứ của việc áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại cũng chính là các căn cứ áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, nhưng lưu ý việc xác định thiệt hại. Yêu cầu bồi thường thiệt hại là một quyền mặc định được pháp luật thừa nhận, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các chủ thể kinh doanh. Vì vậy, chế tài bồi thường thiệt hại có thể áp dụng đồng thời với các chế tài khác.

2.1.3. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Căn cứ theo điều 90 Luật cạnh tranh 2018 có quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc; báo cáo điều tra và kết luận điều tra; Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phải ra một trong các quyết định sau đây:

+ Xử lý vụ việc cạnh tranh không lành mạnh;

+ Yêu cầu Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh điều tra bổ sung trong trường hợp nhận thấy các chứng cứ thu thập chưa đủ để xác định hành vi vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh. Thời hạn điều tra bổ sung là 30 ngày kể từ ngày ra quyết định;

+ Đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh không lành mạnh.

Thời hạn xử lý vụ việc cạnh tranh không lành mạnh trong trường hợp điều tra bổ sung là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; báo cáo điều tra và kết luận điều tra bổ sung.

2.1.4. Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý nhà nước đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.4.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh

Trong quá trình đổi mới nền kinh tế thành kinh tế thị trường phát triển, các nhà làm luật Việt Nam đã đặt ra nhiệm vụ trọng yếu là phải xây dựng một đạo luật cạnh tranh mang tâm vóc của một đạo luật căn bản trong cấu trúc của pháp luật thương mại của nước ta hiện nay. Do đó, trên cơ sở tiếp thu những kinh nghiệm xây dựng Luật Cạnh tranh ở các nước, Luật Cạnh tranh Việt Nam đã được ban hành năm 2018.

Trên cơ sở quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018, đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh, thì vai trò điều tra, thu thập, tìm kiếm các chứng cứ có liên quan đến vụ việc do Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đảm nhận.

2.1.4.2. Quản lý nhà nước đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành thì không xây dựng mô hình giao cho một cơ quan thực hiện cùng lúc hai chính sách quản lý cạnh tranh của nhà nước và quản lý cạnh tranh chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ. Bởi nguyên tắc đó mà cơ quan quản lý cạnh tranh của các nước thường thuộc bộ, Chính phủ hay Quốc hội còn cơ quan quản lý chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ lại thuộc Bộ Kinh tế, Thương mại hoặc Công thương.

Đồng thời theo như quy định tại Điều 7 Luật Cạnh tranh 2018 thì trách nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh được quy định cụ thể như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cạnh tranh

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cạnh tranh.
2. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.
4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh”.

Từ quy định trên của Luật Cạnh tranh 2018 điều chỉnh chung về các quan hệ cạnh tranh. Việc điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và thông báo tập trung kinh tế phải áp dụng quy định của Luật Cạnh tranh 2018. Do đó, khi trường hợp luật khác có quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, hình thức tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và

việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác với quy định của Luật Cạnh tranh 2018 thì áp dụng quy định của luật đó.

Bên cạnh đó, pháp luật này cũng đã có các quy định về việc Cơ quan quản lý cạnh tranh mới sẽ thực hiện các hoạt động liên quan đến việc điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, hạn chế cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng. Chức năng khác hiện nay của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp, và tự vệ nên trao cho Bộ Công thương chịu trách nhiệm, vì: mặc dù pháp luật cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ có những nguyên tắc chung nhưng đối tượng điều chỉnh của chúng là hoàn toàn khác nhau.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế, số lượng các vụ việc liên quan đến cạnh tranh tăng cao và trình độ chuyên môn về pháp luật cạnh tranh của các thẩm phán đã được nâng cao thì nên trao chức năng này cho Tòa án. Điều này cũng đề phù hợp với bản chất của các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, nâng cao chất lượng thực thi các quyết định của cơ quan giải quyết vụ việc. Đồng thời khi thực hiện các trách nhiệm của mình thì cơ quan quản lý cạnh tranh không bị quá tải và thực hiện tốt nhiệm vụ điều tiết quy luật cạnh tranh của thị trường và có thể tập trung cho lĩnh vực hạn chế cạnh tranh theo một lĩnh vực điển hình, có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, mục đích của Luật Cạnh tranh là bảo đảm quyền cạnh tranh bình đẳng của doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng nên có chung mục đích với pháp luật bảo vệ người tiêu dùng. Không những thế mà người tiêu dùng có mối quan hệ với các doanh nghiệp và đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến người tiêu dùng. Do đó, cơ quan cạnh tranh

mới vẫn nên giữ nguyên chức năng và trách nhiệm của mình là cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.2. Đánh giá Thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam

2.2.1. Kết quả áp dụng

Trong năm 2021, theo thống kê của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng từ thông tin các cơ quan hữu quan cung cấp, thực tiễn xử lý các vụ việc liên quan như sau:

Trong năm 2021, theo thông tin từ Cục Sở hữu trí tuệ, cơ quan này đã đánh giá và cho ý kiến chuyên môn về hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ căn cứ theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức liên quan. Cần lưu ý, Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tuy nhiên cơ quan này không có chức năng xử lý vi phạm. Do đó, căn cứ vào kết luận về chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ, các bên liên quan có thể thực hiện khiếu nại theo thủ tục hành chính hoặc khởi kiện ra toà án để bảo vệ quyền lợi của mình.

Thanh tra khoa học công nghệ: Theo thông tin hoạt động Thanh tra Bộ Khoa học Công nghệ, hoạt động của cơ quan này trong thời gian 6 tháng cuối năm 2020 vừa qua tập trung vào các hành vi xâm phạm quyền, số lượng vụ việc cạnh tranh không lành mạnh không nhiều. Một trong những nguyên nhân dẫn đến số lượng vụ việc hạn chế là do thủ tục khiếu nại theo pháp luật về sở hữu trí tuệ có nhiều điểm phức tạp khiến việc thực hiện gặp khó khăn. Thanh tra các Sở Khoa học Công nghệ tại địa phương cũng có tiếp nhận và xem xét một số vụ việc khiếu nại về cạnh tranh không lành mạnh, tuy nhiên do quy định về thủ tục giải quyết còn chưa rõ ràng nên chưa xử lý vụ việc nào trong thực tiễn.

Lực lượng Quản lý thị trường: Đây là lực lượng chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra và xử lý gian lận thương mại và các vi phạm khác trong hoạt động thương mại trên thị trường. Trong năm 2021, số lượng vụ việc do lực lượng quản lý thị trường xử lý rất lớn, tuy nhiên chủ yếu tập trung vào các vi phạm về hàng giả, hàng lậu và một số ít vụ việc liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

2.2.2. Những hạn chế

Theo quy định tại khoản 3 Điều 211 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019, “tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh”. Khoản 3 Điều 198 Luật này cũng quy định: “tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 202 của Luật này và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh”. Các quy định này tương đối cụ thể, phân định khá rõ phạm vi điều chỉnh của từng hệ thống pháp luật: pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về cạnh tranh. Mặc dù vậy, thực tế triển khai thi hành vẫn gặp không ít những vướng mắc, bất cập, cụ thể là:

a) Về nguyên tắc áp dụng pháp luật để xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ

Qua các quy định nêu trên có thể hiểu, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ được xác định theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật này; còn chế tài, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử phạt đối với các hành vi này được quy định và thực hiện theo Luật Cạnh tranh và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật này. Tuy nhiên, thực tế lại không hẳn như vậy.

Trong khi Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/9/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh quy định hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ (xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh) tại Điều 16 thì Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp cũng có quy định xử phạt đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp tại Điều 14. Các quy định tại hai văn bản này có nhiều sự khác biệt, khiến cho việc áp dụng gặp nhiều khó khăn:

- Về chế tài áp dụng: Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ tại Nghị định số 75/2019/NĐ-CP bị áp dụng mức phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng (đối với tổ chức), trong khi mức phạt tiền đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu trí tuệ tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP chỉ từ 500.000 đồng đến tối đa là 250.000.000 đồng (đối với cá nhân). Bên cạnh phạt tiền, các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả cũng có sự khác nhau: Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định 02 hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện và tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm, không quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm; Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả (buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm nếu không loại bỏ được yếu tố vi phạm; buộc loại bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm; buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp; buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm).

- Về thẩm quyền xử lý: Điều 26 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Điều 15 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt của nhiều chủ thể khác nhau (Thanh tra Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Thông tin và Truyền thông, Quản lý thị trường, Hải quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện).

- Về thủ tục xử lý: Bản thân Nghị định số 75/2019/NĐ-CP cũng đang có những quy định không rõ ràng, thiếu thống nhất (khoản 1 Điều 29 quy định thủ tục xử phạt hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh thực hiện theo quy định của pháp luật về cạnh tranh, khoản 3 Điều 29 lại quy định trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh áp dụng theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính); khoản 2 Điều 30 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III của Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về thi hành quyết định xử lý: Điều 33 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định việc bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó trong trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm không tự nguyện thi hành (cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương do mình đã cấp cho các doanh nghiệp vi phạm hành chính về cạnh tranh; các cơ quan có thẩm quyền khác có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập, hợp nhất hoặc buộc bán lại phần doanh nghiệp đã mua;

cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh); Điều 30 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định việc thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính được thực hiện theo quy định của Luật XLVPHC, theo đó, nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt (thẩm quyền cưỡng chế thuộc về người đã ra quyết định xử phạt, trừ một số chức danh ở cấp cơ sở không có thẩm quyền cưỡng chế thì cấp trên của họ sẽ ban hành quyết định cưỡng chế đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cấp dưới ban hành.

- Về hình thức thể hiện của văn bản xử lý: Nếu xử lý theo thủ tục của pháp luật về cạnh tranh thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; trường hợp nếu xử lý theo thủ tục của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Những quy định thiếu nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên khiến cho người có thẩm quyền rất lúng túng trong việc lựa chọn văn bản áp dụng để xử lý đối với vụ việc cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ, việc áp dụng những văn bản quy phạm pháp luật với chế tài, thẩm quyền, thủ tục áp dụng... khác nhau sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý khác nhau, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan.

b) Về sự không thống nhất giữa pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ

- Về trình tự, thủ tục ra quyết định xử lý: Theo pháp luật về sở hữu trí tuệ thì nghĩa vụ chứng minh các hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thuộc về người nộp đơn yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh: “Khi thực hiện yêu cầu xử lý... hành vi cạnh tranh không lành mạnh quy định tại Điều 130 của Luật sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản này (Người có quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị thiệt hại do hành vi vi phạm) phải nêu rõ tính chất, mức độ vi phạm trong đơn yêu cầu xử lý vi phạm và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này” (điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP). Trường hợp tài liệu, chứng cứ do người nộp đơn cung cấp chưa đầy đủ thì cơ quan xử lý vi phạm yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc giải trình trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu (điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP). Người yêu cầu xử lý vi phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan xử lý vi phạm về giải trình, bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và chứng minh vi phạm thì cơ quan xử lý vi phạm từ chối xử lý vi phạm (điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP). Trong khi đó, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC thì việc chứng minh hành vi vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt: “Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính”.

Bên cạnh đó, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP cũng quy định thủ tục dùng xử lý vụ việc vi phạm trong “trường hợp đơn yêu cầu xử lý vi phạm đã được thụ lý, nhưng các bên trong vụ việc thỏa thuận được với nhau và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên thứ ba, người tiêu dùng và xã hội thì cơ quan có thẩm

quyền xử lý vi phạm ghi nhận biện pháp giải quyết đó và dừng xử lý vụ việc” (khoản 2 Điều 27 và điểm d khoản 2 Điều 28). Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không có thủ tục này, bởi một nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước đó là mệnh lệnh - phục tùng, quan hệ xử lý vi phạm hành chính là quan hệ giữa một bên là chủ thể quản lý, đơn phương ra quyết định xử phạt và một bên là đối tượng bị quản lý, có nghĩa vụ phải chấp hành quyết định xử phạt, không thể có yếu tố tự do thoả thuận.

- Về việc đình chỉ hiệu lực quyết định xử phạt hành chính: Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, “trường hợp quyết định giải quyết tranh chấp về sở hữu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền được ban hành trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt hành chính dẫn đến việc thay đổi căn cứ, nội dung của quyết định xử phạt hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của quyết định xử phạt hành chính đã ban hành cho phù hợp với quyết định giải quyết tranh chấp”. Tuy nhiên, Luật XLVPHC không quy định về thủ tục đình chỉ hiệu lực quyết định xử phạt hành chính mà chỉ có quy định về tạm đình chỉ việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện mà xét thấy việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục (tại khoản 3 Điều 15 Luật XLVPHC). Thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ thuộc về “người giải quyết khiếu nại, khởi kiện” chứ không phải “người có thẩm quyền xử phạt” như quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

c) Về sự không thống nhất giữa pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ

- Về hình thức xử phạt: Luật Cạnh tranh và Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định 02 hình thức xử phạt không được Luật XLVPHC quy định, đó là thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương và tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm (các điểm a và c khoản 3 Điều 110 Luật Cạnh tranh; các điểm c và d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP).

- Về trình tự, thủ tục ra quyết định xử lý: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP, bên cạnh trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thì còn có trình tự, thủ tục tổ tụng cạnh tranh để ra quyết định áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ.

Tiểu kết chương 2

Qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như thực trạng xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam những năm gần đây, có thể thấy những quy định đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở nước ta đã bắt đầu phát huy tác dụng nhất định, từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng bộc lộ nhiều hạn chế như các quy định về chế tài còn mang nặng tính xử phạt hành chính, chưa chú trọng tới các chế tài xử phạt khác, bất cập do quá trình lập pháp chưa theo kịp với diễn biến của thị trường, dẫn tới tình trạng các hành vi không ngừng nảy sinh với những phương thức, thủ đoạn ngày một tinh vi và khó phát hiện hơn hay mức xử phạt các hành vi đã dần trở nên lỗi thời, không còn đáp ứng tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật. Việc bổ sung, thay đổi các nội dung pháp luật để có thể phù hợp với tình hình thực tiễn đã trở thành một yêu cầu cấp bách để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Với những hạn chế nhất định đã được chỉ ra ở Chương 2, ở Chương 3 của Luận văn tác giả hướng tới nêu lên một số kiến nghị sửa đổi, đề xuất cụ thể để khắc phục những bất cập của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 3

Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

3.1. Định hướng trong việc sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Việc hoàn thiện pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh là nhu cầu tất yếu của quá trình thực thi pháp luật, phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Với đối tượng điều chỉnh chủ yếu của các hành vi này là các quan hệ cạnh tranh trên thị trường, nó có đặc điểm cơ bản là những quan hệ có sự vận động, sáng tạo không ngừng, Luật Cạnh tranh là lĩnh vực pháp luật có khả năng bị lạc hậu nhanh so với thực tiễn khách quan. Bởi vậy, nhu cầu hoàn thiện, bổ sung không ngừng các quy định của pháp luật Cạnh tranh nhất là cạnh tranh không lành mạnh luôn đặt ra đối với các quốc gia đã thừa nhận pháp luật Cạnh tranh là bộ phận không thể thiếu trong hành lang pháp luật kinh doanh, trong đó Việt Nam cũng không nằm ngoài những ngoại lệ đó.

3.2. Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.2.1. Kiến nghị về giải quyết quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành

Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh bao gồm các quy định trong Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế cụ thể thì vấn đề then chốt cần phải giải quyết là xử lý mối quan hệ giữa các lĩnh vực pháp luật này một cách khoa học. Theo đó, các vấn đề cần giải quyết hiện nay để xử lý mối quan hệ này sẽ là:

Một là, phải xác định rõ rằng mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật quản lý Nhà nước, các lĩnh vực kinh tế cụ thể là quan hệ pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành. Trong đó, Luật Cạnh tranh đặt ra những nguyên tắc cơ bản cho việc nhận dạng hành vi và xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Các văn bản pháp luật khác khi quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực điều chỉnh phải tuân thủ theo đúng các nguyên tắc này như là cách lập pháp về hành vi này của nước Anh, Đức và Nhật Bản. Các văn bản pháp luật khác quy định chi tiết và bổ sung cho Luật Cạnh tranh về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực điều chỉnh. Tuy nhiên cần có sự phân biệt giữa các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi đơn thuần chỉ vi phạm pháp luật chuyên ngành.

Hai là, cần thống nhất trong các quy định của pháp luật về các hành vi đã được quy định trong Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành và thống nhất về quan điểm xử lý. Với các quy định về hành vi, chúng ta có thể thấy có nhiều hành vi cùng được quy định trong Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật khác nhưng có nội dung khác nhau, thiếu tính thống nhất. Ví dụ, quy định về chỉ dẫn gây nhầm lẫn được quy định trong Luật Cạnh tranh có nội hàm hẹp hơn so với quy định trong pháp luật về sở hữu trí tuệ; các quy định về xâm phạm bí mật kinh doanh trong hai văn bản pháp luật trên cũng có sự khác nhau đáng kể về các dạng vi phạm. Để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật thì cùng một hành vi nên chỉ có một khái niệm mô tả hành vi, tránh việc có khái niệm không đồng nhất sẽ nguy hiểm trong quá trình thực thi pháp luật. Có như vậy, việc thực thi pháp luật vừa đảm bảo được hiệu quả, vừa đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của pháp luật. Do đó, việc rà soát sự khác biệt trong các quy định của pháp luật về cùng một hành vi cạnh tranh không lành mạnh là cần thiết để có thể có kế hoạch sửa đổi một cách đồng bộ các quy định tương ứng trong nhiều văn bản pháp luật.

Ba là, cần thống nhất mức xử lý vi phạm đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong Luật Cạnh tranh và trong các văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực pháp luật cụ thể như giữa Luật Cạnh tranh và các luật chuyên ngành với Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Với tình trạng hiện nay, khi hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định đồng thời trong nhiều văn bản pháp luật thì đã xảy ra tình trạng cùng một hành vi nhưng lại áp dụng các mức xử lý khác nhau.

Bốn là, về thủ tục xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Sự tồn tại nhiều văn bản pháp luật quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể gây ra một hệ lụy khó lường là cùng một hành vi có nhiều cơ quan có thẩm quyền và áp dụng các thủ tục khác nhau để xử lý. Luật Cạnh tranh đã xây dựng tổ tụng cạnh tranh để xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh với quy định điều tra, xử lý đặc thù cho các vụ việc cạnh tranh. Tương ứng với các thủ tục này là thẩm quyền xử lý sẽ thuộc các cơ quan quản lý chuyên ngành. Sự đa dạng về thủ tục và cơ quan có thẩm quyền xử lý có thể tạo nhiều khả năng lựa chọn cho những chủ thể có liên quan bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước những hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Song mặt khác, tình trạng này lại gây ra những hệ quả khó lường trước:

- Khả năng các cơ quan khác nhau có những quan điểm xử lý khác nhau cho cùng một hành vi nếu chúng được quy định trong nhiều lĩnh vực pháp luật có liên quan.

- Thủ tục điều tra xác định hành vi khác nhau có thể dẫn đến cách thức đánh giá bản chất cạnh tranh không lành mạnh và tác động của hành vi cũng không giống nhau làm ảnh hưởng đến kết luận và các biện pháp xử lý.

- Khả năng dồn đẩy trách nhiệm cho nhau giữa các cơ quan thực thi pháp luật trước những vụ việc có nhiều khó khăn trong điều tra và xử lý hành vi dẫn đến tình trạng xử lý không nghiêm, không tương xứng với mức độ vi phạm của chủ thể vi phạm. Những hệ quả trên đều có ảnh hưởng không tốt đối với tính thống nhất của pháp luật, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi pháp luật trong thực tiễn và đặc biệt nguy hiểm hơn đó là đến lòng tin của cộng đồng xã hội đối với khả năng quản lý thị trường của cơ quan Nhà nước. Tác giả cho rằng, với đặc thù của lĩnh vực cạnh tranh, cho dù hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định ở lĩnh vực pháp luật nào đi chăng nữa thì việc xử lý chúng cần phải được thực hiện một cách thống nhất.

3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.3.1. Nâng cao năng lực của cơ quan Nhà nước trong việc quản lý hoạt động cạnh tranh và thực thi pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thứ nhất, Chính phủ cần có cơ chế giám sát hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia Một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật Cạnh tranh 2018 là việc thành lập Ủy ban Cạnh tranh quốc gia trực thuộc Bộ Công thương trên cơ sở hợp nhất Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh. Theo Khoản 2 Điều 46 của Luật Cạnh tranh 2018 thì Ủy ban Cạnh tranh quốc gia vừa có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về cạnh tranh vừa tiến hành tố tụng cạnh tranh; kiểm soát tập trung kinh tế; quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Việc giao quá nhiều quyền cho Ủy ban Cạnh tranh quốc gia có thể tạo ra cơ chế "xin-cho" và có nguy cơ xảy ra tham nhũng về chính sách. Để tránh điều này, Chính phủ cần ban hành những cơ chế giám sát hoạt động của cơ quan này và cần rà soát kiểm tra kỹ hơn về quy định thành viên của Ủy

ban Cạnh tranh quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, tránh xảy ra việc chồng chéo xung đột với Luật Tổ chức Chính phủ.

Thứ hai, tăng cường công tác đào tạo cán bộ chuyên trách giải quyết các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, nhất là các điều tra viên để bổ sung lực lượng cho cơ quan quản lý cạnh tranh. Vấn đề cạnh tranh là vấn đề phức tạp, đòi hỏi các điều tra viên khi tiến hành tố tụng phải có kiến thức chuyên sâu không chỉ về pháp lý mà còn bao gồm cả những kiến thức về kinh tế. Phân tích kinh tế đóng vai trò quan trọng, không thể thiếu khi áp dụng các Luật Cạnh tranh trong các vụ việc cụ thể. Để xây dựng đội ngũ điều tra viên, Ủy ban Cạnh tranh quốc gia cần phải tổ chức thực hiện các công việc:

- Xây dựng chương trình đào tạo toàn diện cho các điều tra viên cạnh tranh. Phối hợp với các tổ chức quốc tế, các cơ quan cạnh tranh nước ngoài tổ chức các khóa học đào tạo ngắn hạn về kỹ năng điều tra cho các điều tra viên của Việt Nam;

- Tích cực và tạo điều kiện cử các cán bộ ra nước ngoài tham gia các khóa đào tạo ngắn và dài hạn;

- Phối hợp với các cơ quan đào tạo nghiệp vụ điều tra trong nước như: Bộ Công an, Viện kiểm sát cũng như các Trường Đại học kinh tế, Học viện Tài chính, Đại học Luật để bồi dưỡng nâng cao các kiến thức về kinh tế, tài chính, luật và kỹ năng điều tra cho các điều tra viên;

- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các điều tra viên. Xây dựng và triển khai hoạt động của Trung tâm đào tạo điều tra viên. Trung tâm này không chỉ tập trung đào tạo các kỹ năng, kiến thức cho các điều tra viên mà còn có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ của các cơ quan có liên quan như: Cán

bộ làm công tác bảo vệ người tiêu dùng tại địa phương, lực lượng quản lý thị trường tại các Tỉnh, Thành phố.

3.3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và các chính sách của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho các chủ thể tham gia cạnh tranh không lành mạnh

Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật hiện nay vẫn chưa được quan tâm một cách đúng mức trong xã hội nhất là trong giới doanh nghiệp, là chủ thể và đối tượng áp dụng chính của Luật Cạnh tranh. Do đó để nâng cao hiểu biết của người dân, cộng đồng doanh nghiệp và các hiệp hội ngành nghề về Luật Cạnh tranh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để đảm bảo thực thi một cách có hiệu quả Luật Cạnh tranh trong thực tế. Khi các chủ thể cạnh tranh có kiến thức thì họ nhận biết được hành vi của mình để từ đó có những sự điều chỉnh hành vi đúng ứng xử kinh doanh đã có sự định hướng của pháp luật. Từ kinh nghiệm thực tiễn các nước, các cơ quan nhà nước nên:

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo tìm hiểu về kiến thức pháp luật nói chung, kiến thức về pháp luật cạnh tranh không lành mạnh nói riêng, trong đó phải xác định đối tượng chính là các doanh nghiệp.

- Phổ biến, tuyên truyền nội dung của Luật Cạnh tranh trên các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như các cuộc thi, tìm hiểu về Luật Cạnh tranh, diễn đàn đối thoại trực tiếp mời các chuyên gia nghiên cứu và có lĩnh vực trong Luật Cạnh tranh, phổ biến pháp luật trên truyền hình, đài phát thanh, sách, báo chuyên ngành.

- Giáo dục đạo đức kinh doanh cho các doanh nghiệp, phải cho họ hiểu những hậu quả xấu cũng như chế tài xử lý đối với việc kinh doanh bất chính, cùng lợi ích lâu dài từ việc cạnh tranh trung thực. Khi một doanh nghiệp nhận thức được

hành vi cũng như hiểu biết về pháp luật thì những hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được giảm bớt, môi trường kinh doanh sẽ đảm bảo tính công bằng và nghiêm minh.

- Tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng, minh bạch.

- Thúc đẩy cạnh tranh, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Tạo điều kiện để xã hội, người tiêu dùng tham gia quá trình giám sát việc thực hiện pháp luật về cạnh tranh.

Tiểu kết chương 3

Để tạo lập được một môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, thân thiện, pháp luật cạnh tranh không lành mạnh nói chung hay pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng cần phải được hoàn thiện nhằm đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật đối với các doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn và thực tiễn tình hình, với những đề xuất như cần có những quy định hướng dẫn xác định cụ thể về những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hoàn thiện về chế tài bồi thường thiệt hại, xây dựng cơ quan riêng biệt, hay như sự thống nhất trong văn bản, hoạt động của các cơ quan. Tác giả mong muốn các hạn chế, khó khăn đã đề cập ở trên sẽ dần được tháo gỡ và được thực hiện một cách đồng bộ, linh hoạt các giải pháp để pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung và pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng ngày một hoàn thiện, đi sâu hơn vào đời sống, giúp các doanh nghiệp có điểm tựa an tâm để thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. cũng như nâng cao hiệu quả thực thi quy định về chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

KẾT LUẬN

Cạnh tranh trong kinh doanh là quyền cơ bản của các chủ thể kinh doanh trên thị trường và được pháp luật các nước bảo hộ. Các chủ thể kinh doanh có thể sử dụng nhiều phương thức để cạnh tranh với nhau, trong đó có phương thức cạnh tranh lành mạnh và phương thức cạnh tranh không lành mạnh. Chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ lâu vẫn là một thách thức lớn đối với hệ thống pháp luật và các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam.

Khóa luận đã xây dựng một số các khái niệm cơ bản để làm cơ sở cho việc nghiên cứu pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam. Các khái niệm được nghiên cứu trên cơ sở các quy định pháp luật và các quan điểm về cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Hệ thống pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh như quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, quy trình, thủ tục khiếu nại, điều tra, xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhìn chung đang ngày càng hoàn thiện, đáp ứng những đòi hỏi thực tế.

Thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số bất cập. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu như: quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh chưa đầy đủ, quy trình, thủ tục khiếu nại, điều tra, xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh vẫn còn rườm rà, năng lực của các cơ quan điều tra, xử lý còn hạn chế và các chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn chưa đủ tính răn đe.

Khóa luận đã đưa ra định hướng và các giải pháp trong đó có các giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi

cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam. Về hoàn thiện pháp luật, cần thống nhất trong các quy định của pháp luật về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, mức xử lý vi phạm đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và thủ tục xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã được quy định trong Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành. Về thực thi pháp luật, cần nâng cao năng lực của cơ quan Nhà nước trong việc quản lý hoạt động cạnh tranh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho các chủ thể tham gia cạnh tranh không lành mạnh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục các tài liệu tham khảo:

- [1] Bùi Thị Minh Nguyệt, Trần Văn Hùng, Lê Thị Mai Hương, (2016) *Thương mại Việt Nam Trung Quốc thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp số 02/2016.
- [2] Chính phủ, (2005) *Nghị định 110/2005/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp*, Hà Nội
- [3] Chính phủ, (2005) *Nghị định 116/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh*, Hà Nội
- [4] Chính phủ, (2005) *Nghị định số 120/2005/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh*, Hà Nội
- [5] Chính phủ, (2010) *Nghị định số 97/2010/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Hà Nội
- [6] Cục Quản lý cạnh tranh, (2019) *Báo cáo thường niên năm 2019*, Hà Nội
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011) *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đặng Vũ Huân, (2004) *“Pháp luật về kiểm soát độc quyền và chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam”* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đinh Đức Minh, (2012) *Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh và việc xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội

- [10] Lê Anh Tuấn, (2008) *Luận án Tiến sĩ “Pháp luật về hành vi chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam”*- Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [11] Lê Danh Vĩnh, (2010) *Giáo trình Luật Cạnh tranh*, NXB Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Nguyễn Hữu Huyền, (2004) *Luật Cạnh tranh của Pháp và liên minh châu Âu*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Phương Thảo, (2019) *Luận án Tiến sĩ “Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam”*- Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [14] Nguyễn Thị Hòa Trâm, (2012) *Bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra*, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh số 2/2012
- [15] Nguyễn Thị Như Quỳnh, (2009) *Xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam*, *Tạp chí Luật học* số 5/2009
- [16] Nguyễn Thị Vân Anh, (2016) *Giáo trình Luật Cạnh tranh*; NXB Trường Đại học Luật Hà Nội
- [17] PGS.TS. Lê Danh Vĩnh, ThS. Hoàng Xuân Bắc, ThS. Nguyễn Ngọc Sơn, (2010)*Giáo trình Luật Cạnh tranh*, NXB Đại Học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [18] Phạm Trí Hùng,(2012) *Pháp Luật Cạnh tranh Liên bang Nga và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

- [19] Quách Thị Hương Giang,(2011) *Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam*, Khoa Luật Đại học Quốc gia
- [20] Quốc hội, (2015) *Bộ Luật Dân sự năm 2015*, Hà Nội
- [21] Quốc hội,(2017) *Bộ Luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017*, Hà Nội
- [22] Quốc hội,(2010) *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010*, Hà Nội
- [23] Quốc hội, (2004) *Luật Cạnh tranh năm 2004*, Hà Nội
- [24] Quốc hội, (2018) *Luật Cạnh tranh sửa đổi bổ sung năm 2018*, Hà Nội
- [25] Quốc hội, (2012)*Luật Quảng cáo sửa đổi bổ sung năm 2018*, Hà Nội
- [26] Quốc hội,(2019) *Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi bổ sung 2019*, Hà Nội
- [27] Tổng cục Quản lý thị trường - Bộ Công Thương,(2018) Hội thảo "*Thực trạng hàng giả, hàng nhái tại Việt Nam - Nguy cơ, thách thức và giải pháp*, Hà Nội.
- [28] Trịnh Thị Liên Hương, (2010)*Pháp luật chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quảng cáo ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Luật Hà Nội
- [29] Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật* , NXB Công an nhân dân, Hà Nội
- [30] Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình luật cạnh tranh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [31] TS. Lê Danh Vĩnh, Hoàng Xuân Bắc, Th.S Nguyễn Ngọc Sơn (2006) *Pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam*, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội

[32] Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật,(2001) *Cạnh tranh và xây dựng pháp Luật Cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay*, NXB Công an nhân dân Hà Nội

[33] Viện ngôn ngữ học,(1997) *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[34] Viên Thế Giang, (2014) *Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng của các Ngân hàng thương mại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Học Viện Khoa học Xã hội.

Danh mục các Website tham khảo:

[1] <http://giaoduc.net.vn/Kinh-te/Thi-truong/Acecook-khieu-nai-quang-cao-mi-goiTien-Vua-gay-nham-lan-post6028.gd>

[2] <http://vietbao.vn/Kinh-te/PINACO-phan-hoi-ve-cao-buoc-vi-pham-Luat-canhtanh/181249937/87>

[3] <https://baomoi.com/electrolux-vn-bi-phat-vi-quang-cao-lo/c/7181452.epi>

[4] <https://congnghe.tuoiitre.vn/evn-cai-chinh-viec-ep-dung-dien-thoai-cay-nhala-vuon-152606.htm>.

[5] <https://dantri.com.vn/xa-hoi/lg-gian-doi-trong-khuyen-mai-rut-tham-trung-thuong-1144412924.htm>